

Số: /BC-SKHCN

Gia Lai, ngày tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết kết quả triển khai “Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”

Kính gửi:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Chương trình trọng tâm các tháng cuối năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 13/8/2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Hội nghị Tổng kết kết quả triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Kết quả đã được các sở ngành, đại diện doanh nghiệp thảo luận, đánh giá thống nhất báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung sau.

1. Kết quả thực hiện các nhóm nhiệm vụ

Về cơ chế, chính sách, căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-TTg và Quyết định số 36/QĐ-TTg về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng¹, các cơ quan chuyên môn đã rà soát và đề xuất ban hành, sửa đổi các văn bản thuộc thẩm quyền địa phương nhằm tạo khung pháp lý và bố trí nguồn lực cho doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, truy xuất nguồn gốc và tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia², cùng các văn bản điều chỉnh, quy định nguồn chi, định mức, tổ chức thực hiện do địa phương ban hành³. Việc quản lý tài chính và nhiệm vụ khoa

¹ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng giai đoạn 2021–2030 và Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 về kế hoạch triển khai Chương trình;

² Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh Bình Định và Kế hoạch số 1866/KH-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.

³ - Quyết định số 90/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung chi và mức chi từ ngân sách nhà nước để xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 50/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định tại các quyết định số:

học và công nghệ tuân thủ các thông tư quy định hiện hành. Định hướng cho giai đoạn tiếp theo được bám sát các văn bản chỉ đạo cấp Trung ương và các chương trình trọng tâm cấp tỉnh.

Về hoạt động truyền thông và nâng cao nhận thức, tỉnh đã tổ chức 10 tin, bài tuyên truyền, 45 phóng sự chuyên đề, 11 hội thảo, tọa đàm phổ biến chính sách, hướng dẫn triển khai và 18 hội nghị tập huấn gắn với 5 đợt khảo sát – đánh giá hiện trạng tại doanh nghiệp. Nội dung tập trung vào lợi ích của tiêu chuẩn – quy chuẩn, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến và truy xuất nguồn gốc trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế xanh và hội nhập thị trường.

Về đào tạo, bồi dưỡng, đối tượng cán bộ, công chức và chuyên gia nông cốt được bồi dưỡng 21 lượt, đồng thời mở 10 lớp chuyên sâu với 55 học viên về các hệ thống quản lý như ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, HACCP, 5S, TPM, LEAN, MFCA. Có 13 lượt cán bộ tham dự hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia tổ chức. Đối với doanh nghiệp, tại Bình Định (trước khi sáp nhập 2 tỉnh), đã tổ chức 10 lớp với khoảng 780 lượt người thuộc 220 lượt doanh nghiệp về quản trị rủi ro theo ISO 9001, KPI, LEAN, OKR, ISO 56000, năng suất xanh, an toàn thực phẩm, nông nghiệp hữu cơ, TPM và ISO 9001 nâng cao. Tại Gia Lai (trước khi sáp nhập), đã tổ chức 2 hội nghị năng suất chất lượng cho Trường Cao đẳng Gia Lai và doanh nghiệp xăng dầu; 1 lớp tập huấn kiểm kê khí nhà kính theo tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018; và 5 lớp phổ biến truy xuất nguồn gốc nông sản. Bên cạnh đó, tỉnh phối hợp Cục Phát triển doanh nghiệp tổ chức khóa đào tạo về chuyển đổi số trong quản lý chuỗi cung ứng nông nghiệp cho 47 doanh nghiệp, hợp tác xã với hơn 80 đại biểu; đồng thời phối hợp với WIPO và Cục Sở hữu trí tuệ đào tạo chiến lược thương hiệu – tiếp thị cho khoảng 100 nhà sản xuất cà phê thuộc chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

Về hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý và công cụ cải tiến tại doanh nghiệp, tại Bình Định, 10 doanh nghiệp được hỗ trợ, trong đó 6 đơn vị triển khai 5S–Kaizen, 1 đơn vị triển khai TPM và 3 đơn vị tích hợp các công cụ cải tiến vào hệ thống quản lý hiện hữu. Đồng thời, Sở Công Thương hướng dẫn hơn 870 cơ sở sử dụng

90/2023/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 và 52/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2024;

- Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi từ ngân sách nhà nước để xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Bình Định; Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; 12 cơ sở trọng điểm thực hiện quản lý năng lượng; và 8 cơ sở xây dựng mô hình ISO 50001:2018. Tại Gia Lai (trước khi sáp nhập), tỉnh triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để xây dựng mô hình điểm năng suất chất lượng, gồm 2 doanh nghiệp áp dụng bộ công cụ TPI (5S, TPM, ISO 9001:2015, TWI), 2 doanh nghiệp áp dụng MFCA, 2 bệnh viện áp dụng phương pháp LEAN, 4 trường học áp dụng mô hình 5S, 8 doanh nghiệp áp dụng tổ hợp giải pháp, hệ thống quản lý và 6 doanh nghiệp được chuẩn hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn. Nhìn chung, hoạt động tại doanh nghiệp có khởi đầu tích cực và được duy trì cơ bản; tuy vậy, việc mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả cải tiến ở một số đơn vị còn hạn chế, đòi hỏi cơ chế hỗ trợ tiếp nối và đội ngũ tư vấn tại chỗ để đảm bảo tính bền vững.

Đối với truy xuất nguồn gốc, chứng nhận VietGAP, nông nghiệp hữu cơ và năng suất xanh, tỉnh đã hỗ trợ 8 cơ sở xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và nhãn hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực như bưởi, xoài, gạo, bún gạo khô, bánh canh rau củ, trứng gà, trà dung. Tại Gia Lai (trước sáp nhập), 1 doanh nghiệp, 3 hợp tác xã và 17 chủ thể OCOP được hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; tại Bình Định, 19 tổ chức, hợp tác xã thuộc 14 nhóm sản phẩm được triển khai truy xuất nguồn gốc trên nền tảng GS1, kết nối Cổng truy xuất nguồn gốc quốc gia. Tỉnh đã tư vấn cho 44 chuỗi nông sản tại 38 xã thuộc 9 huyện và thành phố Pleiku áp dụng truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ hồ sơ GS1 cho 5 đơn vị; tư vấn và đánh giá VietGAP cho 25 lượt tổ chức với diện tích 254,75 ha; xác nhận 58 sản phẩm an toàn theo chuỗi trong giai đoạn 2019–2025; phát triển diện tích sản xuất theo VietGAP đạt 286,6 ha và hữu cơ đạt 136 ha; trong lĩnh vực chăn nuôi, 50 trang trại công nghệ cao được định hướng theo hữu cơ hoặc VietGAP. Hoạt động chuyển đổi số trong truy xuất nguồn gốc tiếp tục được thúc đẩy với 20 doanh nghiệp áp dụng mã QR phục vụ minh bạch thông tin sản phẩm.

Về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, công tác tuyên truyền được triển khai tới hơn 200 doanh nghiệp; địa phương tổ chức 2 đợt tập huấn xây dựng hồ sơ và vận động 75 lượt doanh nghiệp tham gia. Kết quả có 11 lượt doanh nghiệp tham dự trong giai đoạn 2021–2025; 2 doanh nghiệp đạt Giải Vàng, 2 doanh nghiệp đạt Giải và một số hồ sơ đang trong quá trình công bố kết quả.

Về tăng cường năng lực đánh giá sự phù hợp, địa phương có 5 phòng thử nghiệm được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025 và 3 tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận đối với VietGAP và sản phẩm hữu cơ. Các sở, ngành thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy và tự công bố sản phẩm theo phân công, bảo đảm tuân thủ quy định chuyên ngành.

Công tác khen thưởng được thực hiện, địa phương đề xuất khen thưởng 2 tập

thể và 4 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình.

2. Đánh giá kết quả theo mục tiêu

So với kế hoạch đã xác định trong giai đoạn 2021–2025, các mục tiêu cơ bản được hoàn thành, trong đó có nhiều chỉ tiêu vượt kế hoạch.

Hoạt động truyền thông – nâng cao nhận thức được triển khai thường xuyên và đa dạng về hình thức, bảo đảm bám sát nội dung Chương trình quốc gia. Công tác đào tạo cán bộ nòng cốt đạt 21 lượt, so với ngưỡng kế hoạch 15 đến 20 lượt là vượt yêu cầu đề ra.

Đào tạo doanh nghiệp đạt 220 lượt doanh nghiệp với hơn 780 lượt người tham gia, cơ bản đáp ứng kế hoạch (200–300 lượt doanh nghiệp và từ 600 lượt người trở lên).

Hỗ trợ áp dụng công cụ, hệ thống quản lý đạt 22 doanh nghiệp so với kế hoạch 13 doanh nghiệp, cho thấy sự quan tâm và mức độ sẵn sàng cải tiến của khu vực doanh nghiệp tăng lên.

Đối với Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, 11 doanh nghiệp tham gia so với kế hoạch 9 doanh nghiệp, kết quả đạt 2 Giải Vàng và 2 Giải, đồng thời còn 3 hồ sơ chờ công bố, qua đó khẳng định nỗ lực nâng chuẩn quản trị và chất lượng của doanh nghiệp địa phương.

Năng lực của các tổ chức dịch vụ đánh giá sự phù hợp được tăng cường, với việc đầu tư các trung tâm trực thuộc và bổ sung 3 tổ chức mới tham gia dịch vụ thử nghiệm, chứng nhận, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP có xu hướng tích cực trong toàn giai đoạn. Tại Bình Định (số liệu cập nhật), TFP ước đạt 31,5% năm 2021, 42,57% năm 2022, 40,94% năm 2023, 42,35% năm 2024 và 43,85% năm 2025, bình quân khoảng 42,94% cho giai đoạn; trong khi số liệu tổng hợp trước đó cho giai đoạn 2021–2024 ghi nhận mức bình quân 39,68%. Tại Gia Lai (trước sáp nhập), TFP ước lần lượt 23,01% năm 2021, 12,49% năm 2022, 39,99% năm 2023, 39,72% năm 2024 và 55,01% năm 2025, bình quân 32,09%. Sau sáp nhập, số liệu toàn tỉnh Gia Lai, TFP ước 23,75% năm 2021, 30,60% năm 2022, 37,88% năm 2023, 38,61% năm 2024 và 46,78% năm 2025, bình quân 34,50% cho giai đoạn. Các kết quả này cho thấy hiệu quả của các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng đã lan tỏa dần, góp phần cải thiện chất lượng tăng trưởng kinh tế địa phương.

3. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế cần khắc phục.

Hạn chế: Nhận thức về năng suất chất lượng của một bộ phận doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa đầy đủ; hoạt động đo lường năng suất và kiểm soát giá thành chưa được quan tâm đúng mức; việc áp dụng hệ thống quản lý và công cụ cải tiến còn mang tính hình thức ở một số doanh nghiệp, hiệu quả dừng ở mức duy trì; tiến độ thực hiện một số nhiệm vụ chưa đạt yêu cầu.

Nguyên nhân: Chủ yếu từ tư duy về vai trò của năng suất chất lượng đối với năng lực cạnh tranh chưa được quán triệt đầy đủ; năng lực quản trị, tiếp cận công nghệ và chuyển đổi số còn hạn chế; năng lực của các tổ chức tư vấn, đánh giá chứng nhận chưa đồng đều; công tác kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ còn hạn chế; thay đổi cơ chế quản lý tài chính và nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong giai đoạn 2023–2025 ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện; mức độ chủ động tham gia mô hình điểm của doanh nghiệp chưa cao; đội ngũ chuyên gia địa phương còn phụ thuộc lực lượng bên ngoài.

4. Bài học kinh nghiệm

Thực tiễn triển khai cho thấy sự vào cuộc của lãnh đạo và cơ chế phối hợp liên ngành là yếu tố quyết định; truyền thông đa kênh, gắn với tình huống thực tế tại doanh nghiệp giúp nâng cao nhận thức bền vững; việc phát triển đội ngũ chuyên gia địa phương giữ vai trò then chốt để đảm bảo duy trì và cải tiến sau hỗ trợ; đồng thời cần chuẩn hóa quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả áp dụng hệ thống, công cụ tại doanh nghiệp để bảo đảm tính khách quan và khả năng nhân rộng.

5. Phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ giai đoạn 2026–2030

Trong giai đoạn 2026–2030, tỉnh tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1322/QĐ-TTg và Quyết định số 36/QĐ-TTg, bám sát các định hướng vĩ mô tại Nghị quyết 57-NQ/TW và Chỉ thị 38-CT/TW, đồng thời căn cứ tình hình thực tiễn địa phương để lựa chọn mô hình triển khai phù hợp. Mục tiêu tổng quát là hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng thông qua tiêu chuẩn – quy chuẩn, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến và chuyển đổi số; đồng thời nâng cao nhận thức về Chương trình quốc gia và Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm rà soát, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; tăng cường truyền thông và chia sẻ tri thức năng suất chất lượng trong cộng đồng doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn – quy chuẩn, hệ thống quản lý tiên tiến, ứng dụng khoa học công nghệ, triển khai chuyển đổi số trong sản xuất và dịch vụ (ERP, MES, LCA/MFCA, KPI/OKR số, truy xuất nguồn gốc số); đào tạo và phát triển nguồn nhân lực năng suất chất lượng tại địa phương, bao gồm đội ngũ chuyên gia đánh

giá, tư vấn và chuyển đổi số; tăng cường đầu tư năng lực cho các tổ chức kiểm định, thử nghiệm, chứng nhận và thúc đẩy liên kết giữa phòng thí nghiệm với doanh nghiệp; huy động và kết nối các chương trình quốc tế, khu vực như APO, WIPO để nâng cao năng lực thực thi Chương trình.

6. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia Chương trình; tổ chức hội nghị đánh giá giai đoạn 2021–2025 và hướng dẫn xây dựng kế hoạch 2026–2030 theo Quyết định số 1322/QĐ-TTg, bám sát định hướng tại các văn bản của Trung ương và phù hợp với Luật sửa đổi đã ban hành năm 2025.

- Hỗ trợ đào tạo chuyên sâu, hình thành mạng lưới chuyên gia năng suất chất lượng tại địa phương; hỗ trợ kỹ thuật cho các mô hình điểm về năng suất xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số trong sản xuất – dịch vụ thông minh.

Sở Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ủy ban TCĐLCL Quốc gia;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trương Quang Phong

Phụ lục:
Kết quả triển khai mục tiêu của Kế hoạch thực hiện Chương trình NSCL
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(kèm theo Báo cáo số /BC-SKHCN ngày /9/2025
của Sở Khoa học và Công nghệ)

1. Kết quả triển khai mục tiêu của Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh Bình Định thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định

1.1. Kết quả triển khai

TT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Kết quả giai đoạn 2021-2025	Tỷ lệ đạt được so với kế hoạch
1	Hoạt động truyền thông năng suất chất lượng	Duy trì hàng năm	59	Đáp ứng và vượt mục tiêu
	<i>Số tin và bài</i>	-	05	
	<i>Số phóng sự truyền hình</i>	-	44	
	<i>Sản phẩm truyền thông khác</i>	-	10 tọa đàm	
2	Hỗ trợ đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu về NSCL đối với công chức, chuyên gia thuộc các cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Từ 5 đến 10 cán bộ, công chức, chuyên gia	13 lượt người	Đáp ứng và vượt mục tiêu
3	Đào tạo hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các giải	Hàng năm, đào tạo	26 doanh	Đáp ứng mục

	pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng	hướng dẫn khoảng từ 20 đến 30 doanh nghiệp	ngành/năm	tiêu
4	Hàng năm, lựa chọn DN hỗ trợ hướng áp dụng các công cụ nâng cao NSCL, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Ít nhất 02 doanh nghiệp/năm	- 07 doanh nghiệp áp dụng công cụ cải tiến - 12 doanh nghiệp xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Đáp ứng và vượt mục tiêu
5	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001, hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001 và hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo theo tiêu chuẩn ISO 56000	Ít nhất từ 03 đến 05 doanh nghiệp	25 doanh nghiệp	Đáp ứng và vượt mục tiêu
6	Lựa chọn Doanh nghiệp để hướng dẫn, áp dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao NSCL	Ít nhất 03 doanh nghiệp	03 doanh nghiệp	Đáp ứng mục tiêu
7	Vận động, hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia	Phân đầu có ít nhất 05 doanh nghiệp tham gia và đạt giải thưởng chất lượng quốc gia (phần	- 07 lượt doanh nghiệp tham gia; - 01 doanh nghiệp đạt giải vàng, 02 doanh nghiệp đạt giải thưởng chất lượng quốc gia, 02 doanh nghiệp đang	Đáp ứng mục tiêu

		đầu ít nhất 01 doanh nghiệp đạt giải vàng chất lượng quốc gia)	chờ kết quả.	
8	Tăng cường năng lực cho các tổ chức kiểm định, thử nghiệm, đánh giá chứng nhận nhằm đáp ứng yêu cầu đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh	-	- Đầu tư tiềm lực: Trung tâm Thông tin - Ứng dụng khoa học và công nghệ Bình Định; Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng Bình Định. - Phát triển thêm 03 tổ chức tham gia vào hoạt động cung cấp dịch vụ đánh giá sự phù hợp, cụ thể cung cấp dịch vụ về lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm, hàng hoá; chứng nhận sản phẩm trồng trọt (VietGAP); chứng nhận sản phẩm hữu cơ.	Đáp ứng mục tiêu
9	Phấn đấu tốc độ tăng năng suất lao động bình quân năm của tỉnh	7%/năm	Năm 2021: 6,18; Năm 2022: 6,47; Năm 2023: 5,87; Năm 2024: 5,74.	-
10	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP của	Từ 38% đến 42%	39,68% (giai đoạn 2021-2024); 42,94% (giai đoạn	Đáp ứng mục tiêu

	tỉnh		2021-2025)	
--	------	--	------------	--

1.2. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí ngân sách nhà nước cấp 1.803 triệu đồng, trong đó, năm 2021 là 340 triệu đồng, 2022 là 340 triệu đồng, 2023 là 340 triệu đồng, 2024 là 323 triệu đồng và 2025 là 460 triệu đồng.

2. Kết quả triển khai mục tiêu của Kế hoạch số 1866/KH-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh Gia Lai nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2022 - 2025

2.1. Kết quả triển khai

TT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2022-2025	Kết quả giai đoạn 2022-2025	Đánh giá
1	Hoạt động truyền thông năng suất chất lượng		7	Đáp ứng mục tiêu
	Số tin, bài	-	05	
	Số phóng sự truyền hình	05	01	
	Hội thảo	01	01	
2	Đóng góp của khoa học và công nghệ thông qua năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)	chiếm khoảng 40- 43%	32,09% (giai đoạn 2021-2025)	Chưa đáp ứng
3	Đào tạo			
	Đào tạo chuyên gia năng suất	Ít nhất 10 chuyên gia	08 chuyên gia	Chưa đáp ứng
	Đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng cho các sở	200 học viên	300 học viên	Đáp ứng và vượt

TT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2022-2025	Kết quả giai đoạn 2022-2025	Đánh giá
	ngành, tổ chức doanh nghiệp			mục tiêu
4	Hình thành câu lạc bộ cải tiến năng suất	Tối thiểu 01	Dự kiến bắt đầu triển khai năm 2025	Chưa đáp ứng
5	Xây dựng các mô hình điểm về cải tiến năng suất cho doanh nghiệp	04	Dự kiến bắt đầu triển khai năm 2025	Chưa đáp ứng
6	Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các giải pháp năng suất xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững	03	Dự kiến bắt đầu triển khai năm 2025	Chưa đáp ứng
7	Áp dụng các công cụ, hệ thống tiên tiến tại bệnh viện	04	Đã áp dụng cho 02 bệnh viện; còn lại 02 bệnh viện dự kiến áp dụng năm 2025	Chưa đáp ứng
8	Áp dụng công cụ 5S tại trường học	ít nhất 10 trường học	Đã áp dụng cho 04 trường học; còn lại 06 trường học dự kiến áp dụng năm 2025	Chưa đáp ứng
9	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất	20	12 doanh nghiệp, hợp tác xã; còn lại 08 doanh nghiệp dự kiến áp dụng năm	Chưa đáp ứng

TT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2022-2025	Kết quả giai đoạn 2022-2025	Đánh giá
	lượng, công cụ hỗ trợ cho chuyển đổi số tiến tới sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh		2025	
10	10 doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, quy chuẩn kỹ thuật	10	Đã xây dựng và áp dụng cho 06 doanh nghiệp; còn lại 04 doanh nghiệp dự kiến áp dụng năm 2025	Chưa đáp ứng
11	Vận động, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia	ít nhất 04 doanh nghiệp	- 04 lượt doanh nghiệp tham gia; - 01 doanh nghiệp đạt giải vàng, 01 doanh nghiệp đang chờ kết quả.	Đáp ứng mục tiêu
13	100% các trường đại học, cao đẳng, trung tâm nghiên cứu được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	-	Thực hiện thường xuyên	Đáp ứng mục tiêu

2.2. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí ngân sách nhà nước cấp 3.189 triệu đồng, trong đó, 2023 là 186 triệu đồng, 2024 là 527 triệu đồng, 2025 là 726 triệu đồng và kinh phí triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2023-2025 là 1.750 triệu đồng./.

